

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2021

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
<i>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	8 - 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho niên độ kế toán 2021	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2021	11 - 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021	13 - 65

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là “**Tổng Công ty**”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06 tháng 8 năm 2020 để thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung Người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : 3 7 0 0 1 4 6 4 5 8

*** Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (HĐQT)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|---------------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HĐQT |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông | Lê Văn Tám | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5. | Ông | Nguyễn Xuân Hoà | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 6. | Ông | Lê Trọng Hiếu | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 7. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên HĐQT độc lập |

Ban Kiểm soát

- | | | | |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà | Nguyễn Thuý Hằng | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|---------------------|-------------------|
| 1. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |
| 2. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám Đốc |
| 3. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Ông | Trần Đình Giáp | Phó Tổng Giám đốc |

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

- | | | | |
|----|-----|---------------------|---------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 08 đến trang 65.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty và các Công ty con, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Bằng Trang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 08 đến trang 65, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của

các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt



Phó Tổng Giám đốc – Lê Thị Hạ

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0082-2018-124-1*

Kiểm toán viên – Huỳnh Hữu Phước

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1762-2018-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.520.406.433.108	4.198.870.450.286
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	671.416.381.450	489.949.875.226
111	1. Tiền		611.453.381.450	446.949.875.226
112	2. Các khoản tương đương tiền		59.963.000.000	43.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.570.000.000	4.420.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	5.570.000.000	4.420.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.528.350.880.122	1.685.346.483.390
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.333.871.577.096	1.301.716.399.676
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	27.310.830.999	95.681.560.979
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	22.600.000.000	22.600.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	151.856.960.494	276.440.158.568
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(7.288.488.467)	(11.091.635.833)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	2.298.803.315.489	2.008.256.871.887
141	1. Hàng tồn kho		2.298.803.315.489	2.008.261.029.716
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(4.157.829)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.265.856.047	10.897.219.783
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	3.346.381.742	4.342.153.667
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	12.388.283.952	6.462.989.064
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	531.190.353	92.077.052
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.406.475.302.361	3.330.926.416.306
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		42.142.867.420	42.243.046.420
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	3.789.171.680	3.789.171.680
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	14.187.195.740	14.135.374.740
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.14	24.166.500.000	24.318.500.000
220	II. Tài sản cố định		1.540.451.785.999	1.021.433.511.932
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.15	1.220.164.312.984	718.458.938.122
222	- Nguyên giá		2.167.589.806.575	1.594.705.752.510
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(947.425.493.591)	(876.246.814.388)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.16	320.287.473.015	302.974.573.810
228	- Nguyên giá		407.275.391.083	383.682.950.570
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(86.987.918.068)	(80.708.376.760)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.17	178.697.573.626	197.002.521.557
231	- Nguyên giá		221.482.579.812	217.733.554.757
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.785.006.186)	(20.731.033.200)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.290.579.785.609	1.722.871.428.641
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.18	49.750.941.090	32.890.640.247
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	1.240.828.844.519	1.689.980.788.394
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		324.545.542.636	331.105.350.300
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.20	324.545.542.636	331.105.350.300
260	VI. Tài sản dài hạn khác		30.057.747.071	16.270.557.456
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.21	30.057.747.071	16.270.557.456
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.926.881.735.469	7.529.796.866.592

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.237.483.045.625	5.038.092.429.682
310	I. Nợ ngắn hạn		4.755.051.985.360	4.537.735.271.022
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.22	936.421.882.888	718.906.325.554
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.23	453.341.059.175	3.484.572.367
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.24	349.273.934.769	216.622.035.908
314	4. Phải trả người lao động		13.581.748.017	14.063.520.525
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.25	4.011.756.141	4.778.663.819
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.26	307.036.614.100	134.169.490.882
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.27	2.661.344.089.588	3.185.640.059.005
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.28	48.264.450.669	42.179.547.879
323	9. Quỹ bình ổn giá	V.29	(18.223.549.987)	217.891.055.083
330	II. Nợ dài hạn		482.431.060.265	500.357.158.660
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.30	22.024.200.000	22.024.200.000
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.31	4.500.000.000	4.500.000.000
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.32	267.961.480.883	280.113.725.891
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.33	26.190.418.947	28.684.982.920
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.34	161.754.960.435	165.034.249.849
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.689.398.689.844	2.491.704.436.910
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.35	2.689.398.689.844	2.491.704.436.910
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.35.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ	V.35.2	(243.800.000)	(243.800.000)
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.35.3	(25.242.423.594)	(25.242.423.594)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	V.35.4	10.291.224.728	9.727.423.799
421	5. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.35.5	114.785.006.276	51.094.028.998
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		20.069.877.129	29.083.210.782
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		94.715.129.147	22.010.818.216
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.35.6	223.808.682.434	90.369.207.707
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.926.881.735.469	7.529.796.866.592

TP. Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.36	11.904.520.095.837	10.669.957.810.119
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.36	2.757.672.062	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.36	11.901.762.423.775	10.669.957.810.119
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.37	11.287.075.562.249	10.172.505.253.356
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		614.686.861.526	497.452.556.763
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.38	28.487.412.482	11.604.397.463
22	7. Chi phí tài chính	VI.39	160.644.355.922	200.628.062.706
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		150.528.572.940	197.271.281.706
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.40	(4.310.848.596)	22.116.604.069
25	9. Chi phí bán hàng	VI.41	244.149.304.569	198.843.217.888
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.42	88.593.516.182	79.842.144.901
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		145.476.248.739	51.860.132.800
31	12. Thu nhập khác	VI.43	6.655.867.753	4.440.651.208
32	13. Chi phí khác	VI.44	3.269.327.995	4.195.227.128
40	14. Lợi nhuận khác		3.386.539.758	245.424.080
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		148.862.788.497	52.105.556.880
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.45	41.133.339.931	19.770.468.883
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		107.729.448.566	32.335.087.997
61	18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		101.243.961.133	22.010.818.216
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VI.46	6.485.487.433	10.324.269.781
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.47	320	85
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		320	85

TP. Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Bằng Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		148.862.788.497	52.105.556.880
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.15;16;17	99.107.222.071	77.889.995.772
03	- Các khoản dự phòng	VI.37;42	(3.807.305.195)	(695.842.171)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		278.096	89.934
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(317.416.318.512)	(104.177.123.655)
06	- Chi phí lãi vay	VI.39	150.528.572.940	197.271.281.706
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(236.114.605.070)	129.429.260.211
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(158.839.367.173)	351.823.218.677
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		141.544.480.415	468.921.110.023
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(307.402.586.616)	(268.975.016.737)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		469.584.851.670	360.555.849.502
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(12.791.417.690)	10.218.449.153
14	- Tiền lãi vay đã trả		(151.115.442.531)	(200.218.025.391)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.24	(28.595.056.778)	(23.029.398.102)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		126.953.987.294	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.257.030.204)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		61.082.418.387	699.296.187.125
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(219.602.334.159)	(116.735.466.571)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		865.706.450.330	88.756.870.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.804.000.000)	(1.766.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.654.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.639.520.432	46.422.399.444
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		650.593.636.603	16.677.802.873

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay		12.606.352.138.387	11.707.195.171.498
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(13.118.072.231.782)	(12.504.114.381.768)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.26	(18.489.177.275)	(99.189.082.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(530.209.270.670)	(896.108.293.070)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		181.466.784.320	(180.134.303.072)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	489.949.875.226	670.084.268.232
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(278.096)	(89.934)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	671.416.381.450	489.949.875.226

TP. Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Huyền Phương

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là “Tổng Công ty”.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh Xăng dầu; Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất nước sạch đóng chai; Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang; Quản lý vận hành, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; và một số hoạt động kinh doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc chung của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

- ❖ Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc (được hợp cộng số liệu kế toán vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty) bao gồm:

Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM	Văn phòng giao dịch và cho thuê văn phòng
2. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh xăng dầu
4. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu
5. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6. Công viên Văn hóa Thanh Lễ	563-567 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
7. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
8. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
9. Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Áp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
10. Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
11. Hệ thống 25 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Tỉnh Bình Dương và Bình Phước	Kinh doanh xăng dầu
12. Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh vật liệu xây dựng
13. Kho cảng Xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

❖ **Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

Tên Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đăng ký DN	Vốn đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ quyền kiểm soát của TCT
Công ty con				
1. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700817346	45.302.676.635	57,97%
2. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3700828316	24.000.000.000	80,00%
3. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700785510	8.188.380.782	56,84%
4. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3700144108	43.738.905.964	100%
5. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	GCNĐKDN Công ty TNHH Một thành viên Mã số doanh nghiệp: 3702525028	15.000.000.000	100%
6. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	GCNĐKDN Công ty TNHH Mã số doanh nghiệp: 3702395178	278.327.692.200	60%
Công ty liên kết				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	GCNĐKDN Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 3700148529	256.458.010.136	25,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 31/12/2021 như sau:

Công ty	Giá trị khoản đầu tư	Lợi thế thương mại	Giá trị phần vốn góp thực tế	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	6.988.136.848	38.314.539.787	66.088.039.787	57,97%
Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	-	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	515.380.782	7.673.000.000	13.500.000.000	56,84%
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	17.738.905.964	26.000.000.000	26.000.000.000	100,00%
Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	278.327.692.200	-	278.327.692.200	463.879.487.000	60,00%
Cộng	414.557.655.581	25.242.423.594	389.315.231.987		

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- + Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

Số dư các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ; được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong niên độ kế toán.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định hữu hình</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
- Máy móc và thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
- Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDD) có thời hạn, QSDD lâu dài và Giấy phép xả nước thải, được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDD là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDD.

Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDD xác định được thời hạn sử dụng; QSDD lâu dài thì không trích khấu hao.

<u>Nhóm Tài sản cố định vô hình</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
- Giấy phép xả nước thải	10

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BĐSDT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

<u>Nhóm Bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
- Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Tổng Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).

Trường hợp khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết mà Tổng Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Tổng Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.

Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá trị hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.

Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

14. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau...).

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.

Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết

chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

16. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

❖ *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ *Trích lập các quỹ*

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ *Lợi ích cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng niên độ kế toán.

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 1, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

		DVT: Đồng	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền			
- Tiền mặt tại quỹ		21.923.138.069	23.144.862.027
- Tiền gửi ngân hàng (*)		589.495.485.532	423.805.013.199
- Tiền đang chuyển		34.757.849	-
- Các khoản tương đương tiền (**)		59.963.000.000	43.000.000.000
Cộng		671.416.381.450	489.949.875.226
(*)	<i>Trong đó Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ</i>	<i>USD 767.69</i>	<i>USD 780.89</i>
(**)	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP.		
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.570.000.000	4.420.000.000

Các khoản Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP.

Trong đó, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương là **2.570.000.000 đồng** đang được thế chấp cho Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương để đảm bảo nợ vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD và số 11/2019/HĐTD (tham chiếu Thuyết minh số V.27 và V.34).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH TM DV Hiệp Quế	499.522.048.927	147.440.147.927
- Công ty TNHH Hải Linh (*)	252.737.557.554	324.838.821.957
- Công ty TNHH SX Vật liệu Xây dựng Hưng Thịnh	164.703.935.306	77.016.350.000
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh	106.366.176.200	108.602.386.200
- Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Tân Uyên	65.836.688.730	-
- Công ty TNHH Thương mại Hồ Bửu	27.338.927.300	17.568.689.000
- Công ty TNHH Huy Hồng	21.825.533.782	18.675.416.282
- Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Nam Sơn Bình Dương	17.654.778.095	-
- Công ty TNHH TM và DV Tổng hợp Hòa Khánh	14.904.340.364	9.432.622.745
- Phòng Quản lý Đô thị TP.TDM	11.010.000.000	14.900.000.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Phú Sang	9.931.213.408	5.429.488.908
- Phòng Tài nguyên Môi trường TP.TDM	9.530.000.000	10.618.564.350
- Công ty TNHH MTV Thời trang của Chúng ta Vina	2.510.452.804	2.466.337.824
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại DAT	1.350.714.089	1.800.714.089
- Công ty TNHH Keneki Global	1.302.925.381	1.535.617.032
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương(*)	320.523.257	5.093.005.028
- Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S (*)	-	215.389.114.181
- Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Nhiên liệu Đông Đô	-	101.651.270.800
- Huỳnh Thị Thu Hiền	-	70.346.647.700
- Công ty TNHH Nhiên Liệu KC	-	5.036.600.000
- Các đối tượng khác	127.025.761.899	163.874.605.653
Cộng	1.333.871.577.096	1.301.716.399.676

(*) Là Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Văn Hóa	6.801.520.000	7.279.894.050
- Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Quy Hoạch A.A.P	3.866.583.320	7.760.327.400
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế XD Trí Tuệ Việt	3.231.500.000	1.237.500.000
- Công ty TNHH Cơ Khí TM XD Công nghiệp Bốn Bốn Một	2.404.671.896	801.645.000
- Hợp tác xã Vĩnh Hưng	-	55.931.046.587
- Công ty Cổ phần Miền Đông Nam Bộ	-	5.148.000.000
- Công ty TNHH MTV Đóng Tàu và TM PETROLIMEX	-	4.000.000.000
- Công ty TNHH Đức Tài Thịnh	-	3.156.148.394
- Các đối tượng khác	11.006.555.783	10.366.999.548
Cộng	27.310.830.999	95.681.560.979

5. Phải thu cho vay ngắn hạn**22.600.000.000****22.600.000.000**

Khoản tiền cho Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương (là Bên liên quan) vay ngắn hạn, lãi suất 9%/năm (nợ được gia hạn đến hết ngày 31/12/2021).

6. Phải thu ngắn hạn khác

- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD (*)	37.887.121	17.537.887.121
- Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương (*)	512.679.476	2.384.342.976
- Tạm ứng thực hiện dự án	93.375.412.261	196.024.228.864
- Công ty TNHH SX VLXD Hưng Thịnh	-	26.345.766.578
- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	56.105.387.042	27.477.583.920
- Daewoo International Corporation	-	1.053.783.121
- Chi hộ phí tư vấn thẩm định giá trị cổ phần	780.000.000	780.000.000
- Các đối tượng khác	1.045.594.594	4.836.565.988
Cộng	151.856.960.494	276.440.158.568

(*) Là Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN Dịch vụ Thương mại Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH XD và Thương mại DAT	1.350.714.089	(1.350.714.089)	1.800.714.089	(1.800.714.089)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	261.852.000	(130.926.000)	261.852.000	(130.926.000)
- Ông Thái Tấn Phát	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải XD Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
- Daewoo International Corporation	-	-	1.055.379.071	(1.055.379.071)
- CN - Công ty TNHH Thanh Lễ (Trạm XD Thanh Lễ)	-	-	768.945.906	(768.945.906)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu Khí VHS	-	-	864.000.000	(466.373.350)
- Chi nhánh Công ty TNHH TM Hùng Trường - Trạm XD Lam Hiền	-	-	266.762.600	(266.762.600)
- CN Công ty TNHH Phúc Gia Khang	-	-	340.000.000	(170.000.000)
- DNTN Trạm Xăng Dầu Thanh An Phát	-	-	161.397.200	(161.397.200)
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Như Ý	-	-	155.501.800	(155.501.800)
- DNTN Trạm Xăng Dầu Ngọc Xuân	-	-	300.851.168	(150.425.584)
- Công ty CP Công trình Giao thông 68	-	-	124.800.000	(124.800.000)
- Công ty TNHH TM XNK SX Hưng Thái	-	-	237.723.107	(118.861.554)
- DNTN Thương Mại Vân Anh	-	-	229.400.602	(114.700.301)
Cộng	7.504.471.258	(7.288.488.467)	12.459.232.712	(11.091.635.833)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	358.008.925.555	55.549.158.991
- Nguyên liệu, vật liệu	221.253.448.784	122.733.334.294
- Công cụ, dụng cụ	1.025.071.020	707.849.029
- Thành phẩm Xăng Dầu	45.103.364.691	35.391.629.113
- Thành phẩm Bất động sản	543.167.263.904	541.057.019.313
- Thành phẩm khác	21.235.969	33.648.386
- Hàng hoá Xăng Dầu	1.094.176.212.539	1.213.803.744.958
- Hàng hoá Bất động sản	36.047.793.027	38.984.645.632
Cộng giá gốc	2.298.803.315.489	2.008.261.029.716
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.157.829)
Giá trị thuần	2.298.803.315.489	2.008.256.871.887

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	935.204.658	2.432.161.394	(2.448.112.873)	919.253.179
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa và các chi phí khác	3.406.949.009	8.387.207.072	(9.367.027.518)	2.427.128.563
Cộng	4.342.153.667	10.819.368.466	(11.815.140.391)	3.346.381.742

	Số cuối năm	Số đầu năm
10. Thuế GTGT được khấu trừ	12.388.283.952	6.462.989.064

Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và TSCĐ mua vào.

11. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	221.084.871	1.629.190
- Thuế Thu nhập cá nhân	310.105.482	90.447.862
Cộng	531.190.353	92.077.052

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

12. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lê Kim Thủy	543.407.700	-
- Nguyễn Phi Long	410.668.500	410.668.500
- Trần Thị Xị	168.935.250	168.935.250
- Nguyễn Thị Bích Thảo	160.182.000	160.182.000
- Nguyễn Quốc Phong	154.836.000	154.836.000
- Võ Văn Lảnh	118.882.500	118.882.500
- Nguyễn Thị Hai	116.424.000	116.424.000
- Lê Hồng Diễm Tiên	110.748.000	110.748.000
- Võ Hồng Khanh	-	543.407.700
- Các đối tượng khác	2.005.087.730	2.005.087.730
Cộng	3.789.171.680	3.789.171.680

13. Trả trước cho người bán dài hạn**14.187.195.740****14.135.374.740**

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

14. Phải thu dài hạn khác

- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng Trạm xăng dầu	-	380.000.000
- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cự Hộ cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án Nha Bích	3.934.500.000	3.934.500.000
- Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu	228.000.000	-
- Các đối tượng khác	4.000.000	4.000.000
Cộng	24.166.500.000	24.318.500.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

15. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm		1.011.472.904.931	182.469.109.485	392.007.867.111	6.084.318.980	2.671.552.003	1.594.705.752.510
Mua trong năm		-	10.623.215.727	23.896.886.688	133.400.000	550.000.000	35.203.502.415
Đầu tư XDCB hoàn thành		539.225.393.212	-	-	-	-	539.225.393.212
Thanh lý, nhượng bán		(520.598.928)	(930.032.727)	(58.709.907)	(35.500.000)	-	(1.544.841.562)
Số cuối năm		1.550.177.699.215	192.162.292.485	415.846.043.892	6.182.218.980	3.221.552.003	2.167.589.806.575
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm		569.867.644.262	88.166.437.272	211.058.300.489	4.624.078.750	2.530.353.615	876.246.814.388
Khấu hao trong năm		31.166.522.322	13.903.240.883	26.267.136.551	221.713.342	114.878.539	71.673.491.637
Thanh lý, nhượng bán		(262.560.857)	(141.000.000)	(58.709.907)	(32.541.670)	-	(494.812.434)
Số cuối năm		600.771.605.727	101.928.678.155	237.266.727.133	4.813.250.422	2.645.232.154	947.425.493.591
Giá trị còn lại							
Số đầu năm		441.605.260.669	94.302.672.213	180.949.566.622	1.460.240.230	141.198.388	718.458.938.122
Số cuối năm		949.406.093.488	90.233.614.330	178.579.316.759	1.368.968.558	576.319.849	1.220.164.312.984
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng							
Số đầu năm		12.951.548.108	14.183.796.461	50.970.571.740	1.133.830.690	1.393.604.003	80.633.351.002
Số cuối năm		14.097.711.165	17.126.109.461	51.542.685.170	1.504.019.486	1.738.604.003	86.009.129.285



16. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy tính	Giấy phép và GP nhượng quyền [b]	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm		383.364.768.751	-	318.181.819	383.682.950.570
Mua trong năm		22.743.000.513	849.440.000	-	23.592.440.513
Số cuối năm		406.107.769.264	849.440.000	318.181.819	407.275.391.083
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm		80.509.514.719	-	198.862.041	80.708.376.760
Khấu hao trong năm		6.110.056.020	137.666.676	31.818.612	6.279.541.308
Số cuối năm		86.619.570.739	137.666.676	230.680.653	86.987.918.068
Giá trị còn lại					
Số đầu năm		302.855.254.032	-	119.319.778	302.974.573.810
Số cuối năm		319.488.198.525	711.773.324	87.501.166	320.287.473.015

- [a] Là Quyền sử dụng đất tại các Cửa hàng xăng dầu, Công ty con, Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.
- [b] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 07 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

17. Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Nhóm BĐS	Quyền sử dụng đất [a]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương	Nhà xưởng và văn phòng cho thuê	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm		151.989.391.000	20.596.562.976	31.620.064.521	13.527.536.260	217.733.554.757
Tăng trong năm		28.396.073.747	-	-	-	28.396.073.747
Thanh lý, nhượng bán		(24.647.048.692)	-	-	-	(24.647.048.692)
Số cuối năm		155.738.416.055	20.596.562.976	31.620.064.521	13.527.536.260	221.482.579.812
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm		-	6.185.415.655	4.652.851.876	9.892.765.669	20.731.033.200
Khấu hao trong năm		18.762.768.161	391.252.872	1.181.045.808	819.122.285	21.154.189.126
Tăng khác		6.815.192.877	-	-	-	6.815.192.877
Thanh lý, nhượng bán		(5.915.409.017)	-	-	-	(5.915.409.017)
Số cuối năm		19.662.552.021	6.576.668.527	5.833.897.684	10.711.887.954	42.785.006.186
Giá trị còn lại						
Số đầu năm		151.989.391.000	14.411.147.321	26.967.212.645	3.634.770.591	197.002.521.557
Số cuối năm		136.075.864.034	14.019.894.449	25.786.166.837	2.815.648.306	178.697.573.626

[a] Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Diện tích đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán là 6.786,70 m², thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).

[b] Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	11.231.353.569	7.738.969.486
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.799.679.073	17.039.379.077
- Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ	14.443.361.514	6.713.289.823
- Khu Dân cư An Sơn	4.276.546.934	1.383.462.855
- Các dự án khác	-	15.539.006
Cộng	49.750.941.090	32.890.640.247

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	22.071.583.966	13.378.064.845
- Chuyển nhượng QSD đất	3.250.111.242	6.152.397.021
- Cải tạo tổng kho XD Chánh Mỹ	44.686.640.349	47.823.360.540
- Dự án mở rộng công viên Thanh Lễ	153.331.568.660	153.331.568.660
- Khu Kho cảng An Sơn	125.688.861.775	466.196.405.559
- Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	25.881.804.993	25.283.810.714
- Kho xăng dầu Bình Thắng	471.124.498	57.134.285.751
- Kho xăng dầu VK102 Nhà Bè	5.003.773.905	10.492.183.843
- Khu Công Nông nghiệp Nha Bích	569.613.727.692	641.225.496.941
- Kho xăng dầu Phú Quốc	168.283.200.046	166.050.885.104
- Trung tâm Thương mại Thanh Lễ Phú Giáo	41.534.840.754	37.146.968.865
- Công trình các Mỏ đá	60.122.400.260	59.552.433.081
- Khu xử lý chất thải rắn Tân Mỹ	7.279.377.339	1.194.617.387
- Các công trình phụ, hạng mục khác	13.609.829.040	5.018.310.083
Cộng	1.240.828.844.519	1.689.980.788.394

20. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

20.1 Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	275.437.971.117	285.291.085.687
20.2 Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	49.107.571.519	45.814.264.613
Cộng	324.545.542.636	331.105.350.300

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

- 20.1 Khoản đầu tư vào Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (UPCoM: MVC). Tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty nắm giữ 25.000.000 Cổ phiếu, chiếm 25% Vốn điều lệ của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.
- 20.2 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty nắm giữ 3.743.327 Cổ phiếu, chiếm 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Nội dung	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	Công ty CP Nông Lâm nghiệp BD	Cộng
Giá gốc khoản đầu tư	256.458.010.136	37.937.734.355	294.395.744.491
Lợi nhuận lũy kế khoản đầu tư			
- Số đầu năm	28.833.075.551	7.876.530.258	36.709.605.809
- Lợi nhuận trong năm	(9.853.114.570)	5.542.265.974	(4.310.848.596)
- Phân phối lợi nhuận trong năm			
+ Nhận cổ tức	-	(1.871.077.101)	(1.871.077.101)
+ Trích quỹ KTPL, điều chỉnh khác	-	(377.881.967)	(377.881.967)
- Số cuối năm	18.979.960.981	11.169.837.164	30.149.798.145
Giá trị khoản đầu tư liên kết			
- Số đầu năm	285.291.085.687	45.814.264.613	331.105.350.300
- Số cuối năm	275.437.971.117	49.107.571.519	324.545.542.636

21. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	14.994.944.787	12.769.602.311	(10.933.928.632)	16.830.618.466
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	263.524.475	-	(263.524.475)	-
- Công cụ dụng cụ và các chi phí khác	1.012.088.194	26.494.808.639	(14.279.768.228)	13.227.128.605
Cộng	16.270.557.456	39.264.410.950	(25.477.221.335)	30.057.747.071

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

22. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	511.218.952.552	184.122.452.223
- Công ty TNHH Hải Linh (*)	349.287.856.631	-
- Công ty CP Vận tải và Xây dựng Vĩnh Đức	52.388.506.576	-
- Công ty CP Nước & Môi Trường Bình Dương - Chi nhánh xử lý Chất thải	8.780.848.901	12.945.052.216
- Công ty TNHH Phát triển TM DV Huỳnh An	7.209.543.000	4.936.262.000
- Hợp tác xã Vĩnh Hưng	1.935.347.501	-
- Công ty Cổ phần Hưng Nam Phát	584.209.840	1.990.879.307
- Công ty CP Vật liệu & Xây dựng Bình Dương(*)	336.291.862	144.704.432
- Soleum Energy PTE LTD	-	163.288.098.142
- Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc Dầu Nghi Sơn (Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam)	-	129.874.601.813
- Công ty CP Thương mại Nhiên liệu Cửu Long	-	129.744.101.120
- Petrolimex Singapore PTE LTD	-	58.419.691.507
- Công ty TNHH Đầu tư TM DV Hải Nguyễn	-	3.831.869.953
- Công ty TNHH Đầu tư TM DV Lê Nghĩa	-	3.808.419.120
- Công ty TNHH TM DV & MT XD Tựu Khanh	-	3.366.863.280
- Các đối tượng khác	4.680.326.025	22.433.330.441
Cộng	936.421.882.888	718.906.325.554

(*) Là Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Đầu tư DONACOOB Bình Phước	300.000.000.000	-
- Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S(*)	147.409.598.136	-
- Phòng Quản lý Đô thị TP.TDM	4.173.141.000	-
- Công ty TNHH DeMiSa	500.000.000	-
- Nguyễn Thị Hồng Châu	250.000.000	250.000.000
- DNTN Xăng Dầu Nguyễn Hoàng	500.002.000	250.000.000
- DNTN Trạm Kinh doanh Xăng Dầu Phú An	-	573.780.100
- Tiền đặt cọc dịch vụ tại TTHN NHKS Gold Star	-	159.000.000
- Các đối tượng khác	508.318.039	2.251.792.267
Cộng	453.341.059.175	3.484.572.367

(*) Là Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phải nộp trong năm (*)	Thực nộp trong năm (*)	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	15.790.018.672	190.068.973.520	183.025.546.297	22.833.445.895
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	258.163.112.306	258.163.112.306	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt hàng NK	-	59.031.144.570	59.031.144.570	-
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	-	25.420.680.159	25.420.680.159	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.630.418.631	41.133.339.931	28.595.056.778	26.168.701.784
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.488.556.953	1.089.579.698	2.541.770.000	36.366.651
- Thuế Tài nguyên	2.619.600	19.760.400	22.380.000	-
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	146.128.514.709	110.625.631.623	35.502.883.086
- Thuế bảo vệ môi trường	185.470.145.000	1.694.280.932.600	1.615.699.130.600	264.051.947.000
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ; Phí, lệ phí, thuế khác	148.200.000	59.995.148.386	59.993.948.386	149.400.000
Cộng	216.529.958.856	2.475.331.186.279	2.343.118.400.719	348.742.744.416

Trong đó:

Thuế phải nộp	216.622.035.908	349.273.934.769
Thuế nộp thừa	(92.077.052)	(531.190.353)
<i>(Tham chiếu V.11)</i>		

(*) Số phải nộp, thực nộp trong năm được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * *Không chịu thuế* : Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, Dịch vụ công ích chăm sóc cây xanh đô thị, vận hành chiếu sáng công cộng
- * *Không kê khai thuế* : Hoa hồng đại lý bảo hiểm, lệ phí cấp GCN kiểm định, phí sử dụng đường bộ
- * 5% : Nước sinh hoạt
- * 10% : Xăng, dầu, nhớt các loại; đá xây dựng; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, cung cấp dịch vụ...

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- * 8% : Xăng E5 Ron 92
- * 10% : các loại xăng khác
- * 20% : hoạt động kinh doanh Gôn

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 156/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018-2022.
- Thông tư số 149/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Năm 2021, các Công ty con thuộc đối tượng doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019 được áp dụng giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị định số

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Các khoản Phí, lệ phí phải nộp

- Thu hộ Lệ phí cấp giấy chứng nhận và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 và Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/08/2021 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 01/10/2021) quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	3.435.860.778	4.008.346.772
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí ăn ca	-	183.041.847
- Chi phí gia công chế biến đá	142.161.000	83.900.000
- Chi phí khác	20.370.179	90.011.016
Cộng	4.011.756.141	4.778.663.819

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

26. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	436.213.254	362.321.257
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông (TCT)	35.075.425	238.746.400
- Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	8.443.375.000	9.532.050.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Upas LC)	13.807.870.573	78.027.996.816
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN (Upas LC)	41.340.225.022	41.080.233.893
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Trung Tâm Kinh Doanh (Upas LC)	175.055.158.071	-
- Công ty CP Giang Nam Logistics	61.700.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.894.650.877	1.791.115.077
- Các khoản phải trả khác	2.946.165.078	1.759.146.639
Cộng	307.036.614.100	134.169.490.882

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

27. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả vay trong năm	Số cuối năm
27.1 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.175.810.381.921	4.483.620.397.228	(4.863.750.795.523)	795.679.983.626
27.2 Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	506.773.369.516	1.306.643.723.787	(1.515.314.983.081)	298.102.110.222
27.3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	685.456.706.607	2.151.777.199.361	(2.372.177.462.563)	465.056.443.405
27.4 Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	49.084.012.027	157.514.925.290	(206.598.937.317)	-
27.5 Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	150.988.392.270	349.994.105.955	(270.982.498.225)	230.000.000.000
27.6 Malayan Banking Berhad (Maybank)	228.695.747.433	1.032.651.113.088	(1.038.773.371.556)	222.573.488.965
27.7 Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	87.129.024.278	413.964.065.396	(501.093.089.674)	-
27.8 Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	299.515.224.953	1.277.719.372.481	(1.332.683.725.429)	244.550.872.005
27.9 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	1.359.300.156.183	(956.323.764.818)	402.976.391.365
27.10 Vay dài hạn đến hạn trả (Quỹ Bảo vệ Môi trường BD)	2.187.200.000	[*] 2.404.800.000	(2.187.200.000)	2.404.800.000
Cộng	3.185.640.059.005	12.535.589.858.769	(13.059.885.828.186)	2.661.344.089.588

[*] Khoản tăng trong năm là phân loại lại khoản Nợ dài hạn đến hạn trả.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

27.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 210016/2021-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 11/10/2021, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30/09/2022
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ.

27.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-210038001 ngày 12/05/2021, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/83406/HĐTD ngày 24/08/2021, cụ thể:

- Hạn mức vay : 800.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 24/08/2022
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

27.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) theo Hợp đồng tín dụng số 35244/20MN/HĐTD ngày 02/12/2020, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 02/12/2021
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) theo Hợp đồng tín dụng số 9789878.21 ngày 23/04/2021, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng Malayan Banking Berhad (MayBank) theo Hợp đồng số HCMC-HN/SLO/THALEXIM/2018/02 ngày 27/11/2018 và các Thư tái tục khoản tín dụng số MBB/HCMC/SLO/2019/THALEXIM/52 ngày 02/12/2019, MBB/HCMC/SLO-06/2020/THALEXIM/97 ngày 30/11/2020, MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/27 ngày 22/04/2021 và MBB/HCMC/LO/2021/THALEXIM/131 ngày 09/12/2021, cụ thể:

- Hạn mức vay : 11.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 09/12/2022
- Mục đích vay : Thư tín dụng L/C, Cho vay tín thác, Tài trợ hoá đơn, Tín dụng tuần hoàn, Bảo lãnh, Hợp đồng mua bán ngoại hối
- Lãi suất : Thư tín dụng (L/C): Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm; Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

27.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 370/2020/HĐTD ngày 16/09/2020, cụ thể:

- Hạn mức vay : 200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) - Chi nhánh Sài Gòn (Thành phố Hà Nội) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 441.0110/2021/HĐTDHM-DN/PGBank.SG ngày 13/07/2021, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 13/07/2022
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

27.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 706/2021/HDHM/SHB.110100 ngày 13/07/2021, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 13/07/2022
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

27.10 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

	Số đầu năm	Trả nợ vay trong năm	Nợ đến hạn	Số cuối năm
- HĐTD số 04/2016 mua 3 xe ép rác	498.800.000	(498.800.000)	-	-
- HĐTD số 09/2017 mua 3 xe ép rác	888.000.000	(888.000.000)	804.000.000	804.000.000
- HĐTD số 11/2019 mua 2 xe ép rác	800.400.000	(800.400.000)	800.400.000	800.400.000
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	-	-	800.400.000	800.400.000
Cộng	2.187.200.000	(2.187.200.000)	2.404.800.000	2.404.800.000

Nợ vay dài hạn đến hạn trả theo các Hợp đồng tín dụng (Tham chiếu Tham chiếu V.34.3).

28. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Bổ sung từ lợi nhuận (*)	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	41.588.262.312	6.445.862.507	(2.198.211.484)	45.835.913.335
- Quỹ phúc lợi	307.154.890	1.609.204.777	(124.999.000)	1.791.360.667
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	284.130.677	586.132.780	(233.086.790)	637.176.667
Cộng	42.179.547.879	8.641.200.064	(2.556.297.274)	48.264.450.669

(*) Tham chiếu Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.35

29. Quỹ bình ổn giá

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Trích trong năm	Sử dụng trong năm	Số cuối năm
- Quỹ bình ổn giá	213.126.304.472	53.883.957.200	(290.143.605.772)	(23.133.344.100)
- Lãi quỹ bình ổn giá	4.764.750.611	145.043.502	-	4.909.794.113
Cộng	217.891.055.083	54.029.000.702	(290.143.605.772)	(18.223.549.987)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Năm 2021



	Số cuối năm	Số đầu năm
30. Phải trả người bán dài hạn	22.024.200.000	22.024.200.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.		
31. Người mua trả tiền trước dài hạn	4.500.000.000	4.500.000.000
Các khoản nhận trước tiền chuyển nhượng QSDĐ tại Khu dân cư An Sơn.		
32. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động kinh doanh cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và văn phòng làm việc:		
	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	280.113.725.891	292.265.970.899
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(12.152.245.008)	(12.152.245.008)
Số cuối năm	267.961.480.883	280.113.725.891
33. Phải trả dài hạn khác		
Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Dae Kwang Apparel	6.873.000.000	6.958.500.000
- Công ty TNHH Dong-A Vina	3.491.896.380	3.535.335.510
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	3.062.168.928	3.100.262.256
- Công ty CP Dầu Nhòn S.T.S	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các đối tượng khác	10.763.353.639	13.090.885.154
Cộng	26.190.418.947	28.684.982.920

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

34. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm/Giảm khác	Số cuối năm
34.1 Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	11.831.049.849	71.047.510.586	(18.922.000.000)	63.956.560.435
34.2 Trái phiếu phát hành (Ngân hàng TMCP Tiên Phong)	150.000.000.000	-	(57.000.000.000)	93.000.000.000
34.3 Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương	3.203.200.000	4.000.000.000	[*] (2.404.800.000)	4.798.400.000
Cộng	165.034.249.849	75.047.510.586	(78.326.800.000)	161.754.960.435

[*] Khoản giảm trong năm là phân loại lại sang Nợ dài hạn đến hạn trả (Tham chiếu V.27.10).

34.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam theo các Hợp đồng sau:**❖ Hợp đồng cho vay số 184/2019/HĐCV ngày 23/10/2019:**

- Hạn mức vay : **34.300.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : Tối đa 36 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Sử dụng vốn thực hiện dự án kho cảng Xăng Dầu Bình Thắng tại TX Dĩ An, Bình Dương.
- Tài sản đảm bảo : Các lợi thế, quyền tài sản phát sinh từ quyền sử dụng đất thuê hàng năm tại thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 1 (8 BT1), Phường Bình Thắng, Dĩ An, BD thuộc quyền sử dụng đất của KH theo giấy CN quyền SD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 482494, số vào sổ cấp GCN: CT 02020 (04/05/2018);

Tài sản trên đất: Nhà xưởng, nhà kho/ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay thuộc quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất của KH- thuộc dự án "kho cảng xăng dầu Bình Thắng", gắn liền với thửa đất số 1237, tờ bản đồ số 1 (8 BT1), phường Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương.
- Dư nợ cuối năm : **16.256.560.435 Đồng** (nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

❖ Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/07/2021:

- Số tiền vay : 53.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ cuối năm : 47.700.000.000 Đồng (trong đó nợ đến hạn trong vòng 12 tháng là 10.600.000.000 Đồng).

34.2 Khoản trái phiếu phát hành cho Trái chủ là Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Cụ thể:

- Mệnh giá : 100.000.000 Đồng/trái phiếu
- Số lượng : 2.000 trái phiếu
- Tổng mệnh giá : 200.000.000.000 Đồng
- Kỳ hạn : 48 tháng kể từ ngày phát hành
- Ngày phát hành : 27/12/2019
- Loại hình : Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có đảm bảo bằng tài sản
- Lãi suất : Lãi cho kỳ đầu tiên là 11%/năm; lãi suất cho các kỳ lãi tiếp theo được xác định theo nguyên tắc của bằng tổng của lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,8%/năm. Tiền lãi sẽ được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày. Lãi trái phiếu được thanh toán 06 tháng một lần.
- Tài sản đảm bảo : Theo hợp đồng thế chấp tài sản
- Dư nợ cuối năm : 93.000.000.000 Đồng (trong đó nợ đến hạn trong vòng 12 tháng là 50.000.000.000 Đồng).

34.3 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

	Số đầu năm	Vay trong năm	Chuyển Nợ đến hạn	Số cuối năm
- HĐTD số 09/2017 mua 3 xe ép rác	804.000.000	-	(804.000.000)	-
- HĐTD số 11/2019 mua 2 xe ép rác	2.399.200.000	-	(800.400.000)	1.598.800.000
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	-	4.000.000.000	(800.400.000)	3.199.600.000
Cộng	3.203.200.000	4.000.000.000	(2.404.800.000)	4.798.400.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Vay Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

❖ **Hợp đồng tín dụng 09/2017/HĐTD ngày 16/11/2017 và Phụ lục ngày 30/11/2017 về Lịch trả nợ, các điều khoản cụ thể:**

- Hạn mức vay : 4.430.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua 3 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ cuối năm : 804.000.000 Đồng (nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 804.000.000 Đồng).

❖ **Hợp đồng tín dụng số 11/2019/HĐTD ngày 09/12/2019 và Phụ lục hợp đồng ngày 27/12/2019, các điều khoản cụ thể:**

- Hạn mức vay : 4.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
- Lãi suất : Lãi suất 3,6%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ cuối năm : 2.399.200.000 Đồng (trong đó nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 800.400.000 Đồng).

❖ **Hợp đồng tín dụng số 04/2021/HĐTD ngày 10/12/2021, các điều khoản cụ thể:**

- Hạn mức vay : 4.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Dư nợ cuối năm : 4.000.000.000 Đồng (trong đó nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 800.400.000 Đồng).

Các Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng các Tài sản hình thành từ vốn vay, thế chấp Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (Thuyết minh số V.2) và Thư bảo lãnh vay vốn số 1145/TBL-BIDV .BD ngày 24/12/2019 được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tổng dư nợ đến hạn phải trả trong 12 tháng là 2.404.800.000 Đồng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

35. Vốn chủ sở hữu (CSH)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A Năm trước				
35.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3 Chênh lệch đánh giá lại TS	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4 Quỹ đầu tư phát triển	5.424.405.635	4.303.018.164	-	9.727.423.799
35.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	113.339.364.070	22.010.818.216	(84.256.153.288)	51.094.028.998
35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	40.161.821.593	60.324.269.781	(10.116.883.667)	90.369.207.707
Cộng	2.499.439.367.704	86.638.106.161	(94.373.036.955)	2.491.704.436.910
Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
B Năm nay				
35.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
35.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
35.3 Chênh lệch đánh giá lại TS	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
35.4 Quỹ đầu tư phát triển	9.727.423.799	563.800.929	-	10.291.224.728
35.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	51.094.028.998	101.243.961.133	(37.552.983.855)	114.785.006.276
35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	90.369.207.707	142.037.282.233	(8.597.807.506)	223.808.682.434
Cộng	2.491.704.436.910	243.845.044.295	(46.150.791.361)	2.689.398.689.844

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

35.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	20.100	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
- Số lượng CP lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cổ phiếu (Số đầu năm)	Số cổ phiếu (Số cuối năm)	Tỷ lệ
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	85.176.000	85.176.000	36,00%
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	37.856.000	37.856.000	16,00%
- Công ty TNHH Hải Linh	35.490.000	-	0%
- Các cổ đông khác	78.078.000	113.568.000	48,00%
Cộng	236.600.000	236.600.000	100,00%

35.2 Cổ phiếu quỹ

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/05/2019. Thời gian mua cổ phiếu quỹ diễn ra từ ngày 24/06/2019 đến ngày 22/07/2019.

35.3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	17.738.905.964	-	17.738.905.964
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	515.380.782	-	515.380.782
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.988.136.848	-	6.988.136.848
Cộng	25.242.423.594	-	25.242.423.594

35.4 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm do được trích lập từ phân phối lợi nhuận.

35.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	51.094.028.998	113.339.364.070
- Điều chỉnh lợi nhuận CPP năm trước	(19.748.133.287)	(1.912.993.609)
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(11.276.018.582)	(82.343.159.679)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(563.800.929)	(4.303.018.164)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(1.609.204.777)	(9.129.898.254)
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(349.556.576)	(2.667.871.261)
+ Chia cổ tức	(8.753.456.300)	(66.242.372.000)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	20.069.877.129	29.083.210.782
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	101.243.961.133	22.010.818.216
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(6.528.831.986)	-
+ Tạm trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(6.528.831.986)	-
- Lợi nhuận CPP năm nay	94.715.129.147	22.010.818.216
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	114.785.006.276	51.094.028.998

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

35.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

	Chỉ tiêu	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	Năm trước				
-	Số đầu năm	39.600.500.000	75.306.394	486.015.199	40.161.821.593
-	Góp vốn trong năm	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
-	Lãi, lỗ trong năm	-	-	10.324.269.781	10.324.269.781
-	Chia cổ tức	-	-	(9.532.050.000)	(9.532.050.000)
-	Trích quỹ KTPL	-	-	(584.833.667)	(584.833.667)
-	Số cuối năm	89.600.500.000	75.306.394	693.401.313	90.369.207.707
	Chỉ tiêu	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
B	Năm nay				
-	Số đầu năm	89.600.500.000	75.306.394	693.401.313	90.369.207.707
-	Góp vốn trong năm	135.551.794.800	-	-	135.551.794.800
-	Lãi, lỗ trong năm	-	-	6.485.487.433	6.485.487.433
-	Chia cổ tức	-	-	(8.443.375.000)	(8.443.375.000)
-	Trích quỹ KTPL	-	-	(154.432.506)	(154.432.506)
-	Số cuối năm	225.152.294.800	75.306.394	(1.418.918.760)	223.808.682.434

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2021**

	ĐVT: Đồng	
	Năm nay	Năm trước
36. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.904.520.095.837	10.669.957.810.119
- Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.757.672.062)	-
Doanh thu thuần		
- Doanh thu bán hàng hóa	10.333.043.636.181	9.509.242.512.480
- Doanh thu bán các thành phẩm	594.332.857.982	595.521.855.168
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	353.388.698.185	341.973.857.453
- Doanh thu kinh doanh BĐS, cho thuê hạ tầng, nhà xưởng	619.317.842.396	221.701.576.786
- Doanh thu khác	1.679.389.031	1.518.008.232
Cộng Doanh thu thuần	11.901.762.423.775	10.669.957.810.119
37. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.151.446.811.242	9.183.361.150.415
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	585.208.468.333	699.794.869.316
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	266.084.561.226	221.187.453.444
- Giá vốn kinh doanh BĐS, cho thuê hạ tầng, nhà xưởng	284.339.879.277	68.161.780.181
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.157.829)	-
Cộng	11.287.075.562.249	10.172.505.253.356
38. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.865.978.537	7.295.347.442
- Lãi chênh lệch tỷ giá	24.621.433.945	4.309.050.021
Cộng	28.487.412.482	11.604.397.463

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

39. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay	150.528.572.940	197.271.281.706
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.115.782.982	3.356.781.000
Cộng	160.644.355.922	200.628.062.706

40. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết

- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	(9.853.114.570)	17.428.403.286
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	5.542.265.974	4.688.200.783
Cộng	(4.310.848.596)	22.116.604.069

41. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	65.893.990.402	66.040.022.091
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.341.145.088	1.871.648.787
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.522.680.320	2.585.323.619
- Chi phí khấu hao TSCĐ	31.343.465.932	28.591.971.108
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.693.061.005	45.321.531.183
- Chi phí bằng tiền khác	90.354.961.822	54.432.721.100
Cộng	244.149.304.569	198.843.217.888

42. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	31.874.440.736	31.388.674.014
- Chi phí vật liệu quản lý	753.980.447	967.139.430
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.289.521.442	997.500.505
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.996.997.193	6.063.799.232
- Thuế, phí và lệ phí	49.053.440	30.371.000
- Chi phí dự phòng	(3.803.147.366)	(700.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.861.090.029	17.289.678.238
- Chi phí bằng tiền khác	40.571.580.261	23.804.982.482
Cộng	88.593.516.182	79.842.144.901

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

43. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	18.000.000	63.636.364
- Hoa hồng, phí đường bộ được hưởng	931.492.907	1.292.709.038
- Thu tiền điện nước khách thuê, Thu nhập khác	5.706.374.846	3.084.305.806
Cộng	6.655.867.753	4.440.651.208

44. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý tài sản cố định	260.996.401	290.358.657
- Chi tiền điện, nước khách thuê, Chi phí khác	3.008.331.594	3.904.868.471
Cộng	3.269.327.995	4.195.227.128

45. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	148.862.788.497	52.105.556.880
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	47.041.279.567	78.049.518.940
- Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(281.825.530)	(22.398.429.599)
- Chuyển lỗ SXKD của các năm trước	(31.726.339.636)	-
- Tổng Thu nhập tính thuế	163.895.902.898	107.756.646.221
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN tính theo thuế suất	32.779.180.580	21.551.329.244
- Giảm 30% thuế theo Nghị định 92, 114	(1.019.473.605)	(1.780.860.361)
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước theo BBKT Nhà nước	9.373.632.956	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.133.339.931	19.770.468.883

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

46. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	1.536.067.248	921.219.265
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	(390.659.451)	(431.365.523)
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.108.911.652	9.834.416.039
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	(768.832.016)	-
Cộng	6.485.487.433	10.324.269.781

47. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ	101.243.961.133	22.010.818.216
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(25.597.531.296)	(1.958.761.353)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	75.646.429.837	20.052.056.863
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	236.579.900
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	-	-
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	320	85
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	320	85

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty TNHH Hải Linh	Công ty có cùng thành viên HĐQT
- Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Giao dịch với các bên liên quan:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng:

	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập từ tiền lương, thù lao	2.929.378.462	4.494.671.261

- Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan khác như sau:

❖ Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương [*]	31.622.136.754	1.631.046.782.015	1.565.197.912.259	97.471.006.510
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương [*]	(7.120.594.848)	19.219.902.878	10.262.713.584	1.836.594.446
- Công ty CP SX KD Thanh Lễ [*]	5.556.850	85.097.400	82.632.960	8.021.290
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	-	787.079.375	-	787.079.375
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	5.093.005.028	52.293.397.812	57.065.879.583	320.523.257
- Công ty TNHH Hải Linh	324.838.821.957	1.728.744.469.949	1.800.845.734.352	252.737.557.554
- Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	215.389.114.181	499.447.159.079	862.245.871.396	(147.409.598.136)
Cộng	569.828.039.922	3.931.623.888.508	4.295.700.744.134	205.751.184.296

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

❖ **Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác**

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D [*]	-	2.723.171.152	1.860.000.000	863.171.152
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	5.827.169.748	5.914.405.088	5.827.169.748	5.914.405.088
- Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Bình Dương	24.984.342.976	2.034.000.095	3.905.663.595	23.112.679.476
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương [*]	11.494.361.936	9.578.634.947	11.494.361.936	9.578.634.947
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương [*]	4.800.000.000	6.000.000.000	4.800.000.000	6.000.000.000
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	17.537.887.121	-	17.500.000.000	37.887.121
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Cộng	64.643.761.781	61.250.211.282	45.387.195.279	80.506.777.784

❖ **Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác**

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải trả trong năm	Đã trả / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương[*]	-	129.379.089.030	129.379.089.030	-
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ BD [*]	9.859.790.343	84.836.868.376	89.573.538.076	5.123.120.643
- Công ty CP SXKD Thanh Lễ [*]	15.847.000	369.938.000	363.490.000	22.295.000
- Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D [*]	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
- Công ty TNHH Hải Linh	-	1.374.939.606.072	1.025.651.749.441	349.287.856.631
- Công ty CP Xăng Dầu và DV Hàng Hải S.T.S	68.944	17.023.462.545	17.023.531.489	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	144.704.432	1.659.506.083	1.467.918.653	336.291.862
Cộng	14.520.410.719	1.608.208.470.106	1.267.959.316.689	354.769.564.136

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

2. Thông tin về báo cáo bộ phận**❖ Theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

❖ Theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm nay	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	10.892.383.030.192	615.271.199.146	394.108.194.437	11.901.762.423.775
- Giá vốn hàng bán	(10.704.273.016.889)	(283.514.297.502)	(299.288.247.858)	(11.287.075.562.249)
- Lợi nhuận gộp	188.110.013.303	331.756.901.644	94.819.946.579	614.686.861.526
- Doanh thu HĐ tài chính	16.974.081	-	28.470.438.401	28.487.412.482
- Chi phí tài chính	(40.695.462.968)	(78.653.736.255)	(41.295.156.699)	(160.644.355.922)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	(4.310.848.596)	(4.310.848.596)
- Chi phí bán hàng	(88.197.451.291)	(136.675.710.751)	(19.276.142.527)	(244.149.304.569)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(20.081.397.087)	(33.271.768.633)	(35.240.350.462)	(88.593.516.182)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	39.152.676.038	83.155.686.005	23.167.886.696	145.476.248.739
- Thu nhập khác	-	-	6.655.867.753	6.655.867.753
- Chi phí khác	(5.913.700)	-	(3.263.414.295)	(3.269.327.995)
- Lợi nhuận khác	(5.913.700)	-	3.392.453.458	3.386.539.758
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.146.762.338	83.155.686.005	26.560.340.154	148.862.788.497
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(6.102.780.445)	(25.422.448.931)	(9.608.110.555)	(41.133.339.931)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	33.043.981.893	57.733.237.074	16.952.229.599	107.729.448.566

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Năm trước	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	9.911.947.245.303	221.701.576.786	536.308.988.030	10.669.957.810.119
- Giá vốn hàng bán	(9.741.854.694.963)	(68.161.780.181)	(362.488.778.212)	(10.172.505.253.356)
- Lợi nhuận gộp	170.092.550.340	153.539.796.605	173.820.209.818	497.452.556.763
- Doanh thu HĐ tài chính	10.200.869.840	-	1.403.527.623	11.604.397.463
- Chi phí tài chính	(77.556.434.507)	(72.144.111.994)	(50.927.516.205)	(200.628.062.706)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	22.116.604.069	22.116.604.069
- Chi phí bán hàng	(147.066.122.724)	(22.531.810.059)	(29.245.285.105)	(198.843.217.888)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(55.707.385.568)	(1.211.991.500)	(22.922.767.833)	(79.842.144.901)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(100.036.522.619)	57.651.883.052	94.244.772.367	51.860.132.800
- Thu nhập khác	4.220.899	-	4.436.430.309	4.440.651.208
- Chi phí khác	(6.234.898)	-	(4.188.992.230)	(4.195.227.128)
- Lợi nhuận khác	(2.013.999)	-	247.438.079	245.424.080
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(100.038.536.618)	57.651.883.052	94.492.210.446	52.105.556.880
- Thuế TNDN hiện hành	(1.171.166.555)	(11.530.376.610)	(7.068.925.718)	(19.770.468.883)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	(101.209.703.173)	46.121.506.442	87.423.284.728	32.335.087.997

3. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Công ty không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành trong năm có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 sau đây:

- Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 của Chính phủ Hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19.
- Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ban hành ngày 19/4/2021 của Chính phủ về việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.
- Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/09/2021 của Chính Phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.
- Nghị quyết 406/2021/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ quốc hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19, trong đó quy định một số giải pháp miễn, giảm thuế. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 10 năm 2021.

TP. Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Ngân

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang